

Số: 07/2019/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng và một số chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng và một số chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng và một số chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Thái Bình với nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao cấp tỉnh; chính sách hỗ trợ cho huấn luyện viên, vận động viên được tập trung đội tuyển quốc gia và hỗ trợ cho vận động viên khi thôi không làm vận động viên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên cấp tỉnh đang tập trung tập luyện, huấn luyện và tập trung thi đấu cho đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh.

b) Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tham gia thành phần đội tuyển quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu giải thể thao quốc tế.

c) Vận động viên có nhiều cống hiến cho sự nghiệp thể dục, thể thao cấp tỉnh, đã hoàn thành nhiệm vụ được cơ quan quản lý vận động viên quyết định cho thôi không làm vận động viên.

3. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng

Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên (bao gồm cả huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao khuyết tật): Được hưởng mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao.

Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày.

STT	Huấn luyện viên, vận động viên	Mức ăn hàng ngày	
		Trong thời gian tập luyện, huấn luyện	Trong thời gian tập trung thi đấu
1	Đội tuyển tỉnh	176.000	232.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	140.000	176.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	104.000	176.000

4. Chế độ, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên

a) Đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh được cơ quan có thẩm quyền của Trung ương triệu tập tham gia thành phần đội tuyển quốc gia làm nhiệm vụ tập huấn, thi đấu giải thể thao quốc tế được hỗ trợ 100% mức chi chế độ dinh dưỡng theo khoản 3 Điều này.

b) Vận động viên có nhiều cống hiến cho sự nghiệp thể dục, thể thao cấp tỉnh, đã hoàn thành nhiệm vụ được cơ quan quản lý vận động viên quyết định cho thôi không làm vận động viên, được hưởng chính sách ưu đãi sau:

- Được hưởng ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và các chế độ ưu đãi quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Nếu vận động viên không có nguyện vọng hưởng ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ và các chế độ ưu đãi quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ thì được hỗ trợ kinh phí một lần để tiếp tục học tập, ổn định cuộc sống, cụ thể *như sau*

+ Đối với vận động viên đã đạt thành tích từ huy chương đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể), mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập luyện, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 1,0 hệ số lương cơ sở.

+ Đối với vận động viên khác, mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập luyện, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 0,5 hệ số lương cơ sở.

Số tiền hỗ trợ thực lĩnh của vận động viên khi thôi không làm vận động viên là thời gian tính bằng số tháng thực tế làm vận động viên nhân với hệ số lương cơ sở tương ứng.

Số tháng thực tế làm vận động viên là thời gian tính từ khi có quyết định trúng tuyển đến khi có quyết định cho thôi không làm vận động viên của cơ quan có thẩm quyền.

5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi trả các chế độ dinh dưỡng và chế độ hỗ trợ đặc thù được bố trí trong dự toán chi ngân sách theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Khuyến khích các đơn vị quản lý vận động viên, huấn luyện viên khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên.

Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. /*leg*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ VHTT&DL;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình; Báo Thái Bình.
- Lưu: VTVP. *4*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên